

Số: 294/TB-LQĐ

Phường 4, ngày 15 tháng 10 năm 2024

THÔNG BÁO

Công khai thông tin về cơ sở giáo dục và thu chi tài chính Năm học 2024 - 2025

Căn cứ Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 06 năm 2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về công khai trong hoạt động của các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;

Thực hiện Công văn số 2119/PGDĐT ngày 10 tháng 10 năm 2024 của Phòng Giáo dục và Đào tạo thành phố Mỹ Tho về việc hướng dẫn thực hiện Quy chế công khai năm học 2024 - 2025;

Trường Tiểu học Lê Quý Đôn công khai thông tin về cơ sở giáo dục và thu chi tài chính năm học 2024 - 2025, nội dung cụ thể như sau:

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ GIÁO DỤC

1. Tên cơ sở giáo dục TRƯỜNG TIỂU HỌC LÊ QUÝ ĐÔN

2. Địa chỉ: 205 Tết Mậu Thân, Phường 4, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang

Điện thoại: 02733978397

Địa chỉ thư điện tử: c1LeQuyDonmt.tiengiang@moet.edu.vn

Cổng thông tin điện tử: <http://thlequydon.tiengiang.edu.vn>

3. Loại hình của cơ sở giáo dục: Công lập

4. Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu của cơ sở giáo dục

Sứ mạng: Tạo mọi trường học tập có nề nếp, kỷ cương, có chất lượng giáo dục cao, mỗi học sinh đều có cơ hội phát triển tài năng và tư duy sáng tạo. Giáo dục mỗi học sinh đều đủ đức, đủ tài, năng động, sáng tạo, giúp các em trở thành những công dân hữu ích và là nhà lãnh đạo của xã hội mai sau.

Tầm nhìn: Là Trường trọng điểm của thành phố Mỹ Tho có chất lượng cao, giáo dục học sinh trở thành những công dân tốt mang bản sắc văn hóa dân tộc, có nhân cách và trí thức của thời đại mới.

Mục tiêu: Thực hiện hiệu quả Chương trình GDPT năm 2018 cấp tiểu học; tăng cường bảo đảm an toàn trường học. Đảm bảo duy trì ổn định chất lượng giáo



dục toàn diện.

5. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của cơ sở giáo dục

Trường Tiểu học Lê Quý Đôn thành lập vào ngày 10/6/2011. Trường được xây dựng trên khuôn viên trước đây là Trường Phục Hưng (trước miền Nam hoàn toàn giải phóng), sau là Trung tâm bồi dưỡng Chính trị Tiền Giang. Trường tọa lạc tại số 205 đường Tết Mậu Thân - Phường 4 - thành phố Mỹ Tho - tỉnh Tiền Giang với tổng diện tích là 2879,4 m².

Nhiệm vụ chính của trường là tổ chức giảng dạy, học tập và hoạt động theo mục tiêu, chương trình giáo dục Tiểu học do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành và tham mưu cho Ủy ban nhân dân Phường 4 về công tác giáo dục tại địa phương.

Trường Tiểu học Lê Quý Đôn là một trong những trường trọng điểm của thành phố Mỹ Tho nằm ngay trung tâm thành phố mặt hướng về Công viên Giếng nước và cách tượng đài Tết Mậu Thân 100 m. Đây là một trong những địa chỉ tin cậy của lãnh đạo Đảng, chính quyền và nhân dân thành phố về công tác giảng dạy và giáo dục của cấp học Tiểu học. Trong suốt 13 năm thành lập, thầy và trò nhà trường đã nỗ lực phấn đấu vươn lên, dần khẳng định được chất lượng bền vững hơn. Năm học 2017-2018, Trường Tiểu học Lê Quý Đôn đã được Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Tiền Giang đánh giá ngoài và đạt mức 1. Nhiều năm nhà trường đạt Tập thể Lao động Xuất sắc, cơ quan văn hoá cấp thành phố được UBND tỉnh tặng bằng khen.

6. Thông tin người đại diện pháp luật hoặc người phát ngôn hoặc người đại diện để liên hệ, bao gồm: Họ và tên, chức vụ, địa chỉ nơi làm việc; số điện thoại, địa chỉ thư điện tử

Hiệu trưởng: LÊ THỊ MINH THẨM

Chức vụ: HIỆU TRƯỞNG

Địa chỉ nơi làm việc: 205 Tết Mậu Thân, Phường 4, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang

Số điện thoại: 0949916939

Địa chỉ thư điện tử: minhtham46@gmail.com

7. Tổ chức bộ máy

a/ Quyết định thành lập, cho phép thành lập, sáp nhập, chia, tách, cho phép hoạt động giáo dục, đình chỉ hoạt động giáo dục của cơ sở giáo dục hoặc phân hiệu của cơ sở giáo dục (nếu có)

Trường Tiểu học Lê Quý Đôn được thành lập theo theo Quyết định số 3031 ngày 20 tháng 5 năm 2011 của Chủ tịch UBND thành phố Mỹ Tho.

b/ Quyết định công nhận hội đồng trường, chủ tịch hội đồng trường và

danh sách thành viên hội đồng trường

Quyết định số 8177/QĐ-UBND ngày 30 tháng 10 năm 2023 về việc thành lập kiện toàn Hội đồng trường Trường Tiểu học Lê Quý Đôn, nhiệm kỳ 2021-2026

Chủ tịch: Bà Lê Thị Minh Thắm - Hiệu trưởng

Danh sách gồm 11 thành viên:

1. Bà Lê Thị Minh Thắm, Bí thư Chi bộ, Hiệu trưởng Trường Tiểu học Lê Quý Đôn;
2. Bà Phạm Thị Mai Thảo, Phó Bí thư Chi bộ, Phó Hiệu trưởng trường Trường Tiểu học Lê Quý Đôn;
3. Bà Nguyễn Kim Oanh, Phó Hiệu trưởng trường, Trường Tiểu học Lê Quý Đôn;
4. Bà Nguyễn Thị Thu Liễu, Tổ trưởng tổ văn phòng trường Trường Tiểu học Lê Quý Đôn;
5. Bà Phan Thị Ngọc Tuyên, Chủ tịch công đoàn trường Trường Tiểu học Lê Quý Đôn;
6. Bà Nguyễn Thị Minh Ngọc, Bí thư chi đoàn trường Trường Tiểu học Lê Quý Đôn;
7. Bà Đinh Thị Hoàng Oanh, Tổ trưởng tổ 1 trường Trường Tiểu học Lê Quý Đôn;
8. Bà Nguyễn Thị Thảo, Tổ trưởng tổ 2 trường Trường Tiểu học Lê Quý Đôn;
9. Bà Phạm Nhất Phương Thảo, Tổ trưởng tổ 4 trường Trường Tiểu học Lê Quý Đôn;
10. Ông Huỳnh Hữu Phúc, Phó Chủ tịch UBND Phường 4, thành phố Mỹ Tho;
11. Bà Nguyễn Thị Trong, Phó Trưởng Ban đại diện cha mẹ học sinh trường Trường Tiểu học Lê Quý Đôn

c/ Quyết định điều động, bổ nhiệm, công nhận hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, giám đốc, phó giám đốc hoặc thủ trưởng, phó thủ trưởng cơ sở giáo dục

Quyết định bổ nhiệm và điều động Hiệu trưởng Bà Lê Thị Minh Thắm: Quyết định số 3437/QĐ-UBND ngày 01/6/2021 của UBND thành phố Mỹ Tho.

Quyết định bổ nhiệm phó Hiệu trưởng Bà Phạm Thị Mai Thảo: Quyết định số 2220/QĐ-UBND ngày 28/4/2020 của UBND thành phố Mỹ Tho.

Quyết định bổ nhiệm phó Hiệu trưởng Bà Nguyễn Kim Oanh: Quyết định số



8335/QĐ-UBND ngày 25/8/2022 của UBND thành phố Mỹ Tho.

d/ Quy chế tổ chức và hoạt động của cơ sở giáo dục; chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ sở giáo dục và của các đơn vị thuộc, trực thuộc, thành viên (nếu có); sơ đồ tổ chức bộ máy của cơ sở giáo dục

Trường TH Lê Quý Đôn là trường công lập do UBND thành phố Mỹ Tho thành lập và đầu tư xây dựng CSVC, đảm bảo kinh phí cho các nhiệm vụ chi thường xuyên; là cơ sở giáo dục của hệ thống giáo dục quốc dân, có tư cách pháp nhân, có con dấu riêng, thực hiện chương trình giáo dục Tiểu học do Bộ GDĐT ban hành. Tổ chức xây dựng và phát triển nhà trường theo các quy định của BGDĐT và nhiệm vụ phát triển giáo dục của địa phương. Thực hiện nhiệm vụ Kiểm định chất lượng GD, thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn khác theo quy định của pháp luật.

e/ Họ và tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử, địa chỉ nơi làm việc, nhiệm vụ, trách nhiệm của lãnh đạo cơ sở giáo dục

Hiệu trưởng: Bà Lê Thị Minh Thắm

Số điện thoại: 0949916939

Địa chỉ thư điện tử: minhtham46@gmail.com

Nhiệm vụ và quyền hạn của hiệu trưởng

Xây dựng chiến lược và kế hoạch phát triển nhà trường; lập kế hoạch và tổ chức thực hiện kế hoạch dạy học, giáo dục; báo cáo, đánh giá kết quả thực hiện trước Hội đồng trường và các cấp có thẩm quyền.

Thành lập các tổ chuyên môn, tổ văn phòng và các hội đồng thi đua khen thưởng; hội đồng kỉ luật, hội đồng tư vấn trong nhà trường; bổ nhiệm tổ trưởng, tổ phó; cử giáo viên làm Tổng phụ trách Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh.

Thực hiện các nhiệm vụ quản lý cán bộ, giáo viên, nhân viên theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của cơ quan quản lý giáo dục; xây dựng kế hoạch phát triển năng lực nghề nghiệp cho giáo viên, nhân viên; động viên và tạo điều kiện cho giáo viên và nhân viên tham gia các hoạt động đổi mới giáo dục; thực hiện đánh giá, xếp loại giáo viên, nhân viên theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo; tham gia quá trình tuyển dụng, thuyên chuyển, sắp xếp giáo viên; tổ chức các bước giới thiệu nhân sự đề nghị cấp có thẩm quyền bổ nhiệm phó hiệu trưởng.

Quản lý, tiếp nhận học sinh, cho phép học sinh chuyển trường; quyết định kỉ luật, khen thưởng học sinh; phê duyệt kết quả đánh giá học sinh, danh sách học sinh lên lớp, lưu ban; tổ chức kiểm tra công nhận việc hoàn thành chương trình tiểu học cho học sinh trong nhà trường và các đối tượng khác trên địa bàn trường

phụ trách.

Tổ chức triển khai thực hiện chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo; sách giáo khoa, nội dung giáo dục của địa phương theo quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. Thực hiện quản lý, sử dụng và lựa chọn các xuất bản phẩm tham khảo sử dụng trong nhà trường theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Tham gia sinh hoạt cùng tổ chuyên môn; tự học, tự bồi dưỡng để nâng cao năng lực chuyên môn nghiệp vụ, năng lực quản lý. Dự các lớp bồi dưỡng về chính trị, chuyên môn, nghiệp vụ quản lý; tham gia giảng dạy theo quy định về định mức tiết dạy đối với hiệu trưởng.

Quản lý hành chính; quản lý và tự chủ trong việc sử dụng các nguồn tài chính, tài sản của nhà trường theo quy định.

Tổ chức thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở; thực hiện xã hội hoá giáo dục, phối hợp tổ chức, huy động các lực lượng xã hội cùng tham gia hoạt động giáo dục, phát huy vai trò của nhà trường đối với cộng đồng xã hội.

Xây dựng môi trường học đường an toàn, lành mạnh, thân thiện, phòng, chống bạo lực học đường theo quy định của Pháp luật.

Được hưởng chế độ phụ cấp đối với nhà giáo và các chính sách ưu đãi theo quy định.

8/ Các văn bản khác của cơ sở giáo dục:

- Chiến lược phát triển của cơ sở giáo dục:

Kế hoạch số: 157/KH-LQĐ ngày 14/11/2022 của Trường Tiểu học Lê Quý Đôn Kế hoạch chiến lược phát triển Trường Tiểu học Lê Quý Đôn Giai đoạn 2022 - 2027, tầm nhìn đến năm 2030.

- Quy chế dân chủ ở cơ sở của cơ sở giáo dục:

Quyết định số 206/QĐ-UBND ngày 16/9/2024 của Trường Tiểu học Lê Quý Đôn Quyết định về việc ban hành quy chế dân chủ dân chủ ở cơ sở năm học 2024 - 2025

- Các nghị quyết của hội đồng trường: Có ít nhất 3 lần họp/năm.

- Quy định về quản lý hành chính, nhân sự, tài chính: QĐ về việc phân công nhiệm vụ CBQL, GV, NV. Quy chế làm việc (đã công khai trên website)

- Chính sách thu hút, phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục: QC thi đua, khen thưởng, QC chi tiêu nội bộ.

- Kế hoạch và thông báo tuyển dụng của cơ sở giáo dục và các quy định, quy chế nội bộ khác (nếu có): Kế hoạch và thông báo tuyển sinh lớp 1.

II. THU, CHI TÀI CHÍNH

1/ Tình hình tài chính của cơ sở giáo dục trong năm tài chính trước liền kề thời điểm báo cáo theo quy định pháp luật:

- Các khoản thu, chi: *Đính kèm biểu mẫu số 01*

2/ Các khoản thu và mức thu đối với người học:

Đính kèm biểu mẫu số 02

3/ Chính sách và kết quả thực hiện chính sách hằng năm về trợ cấp và miễn, giảm học phí, học bổng đối với người học:


Đính kèm biểu mẫu số 03

4/ Số dư các quỹ theo quy định, kể cả quỹ đặc thù:

Đính kèm biểu mẫu số 04

5/ Các nội dung công khai tài chính khác: Không

Nơi nhận:

- CB-GV-NV;
- Cổng thông tin điện tử;
- Lưu: VT. 



Lê Thị Minh Thắm

UBND THÀNH PHỐ MỸ THO
TRƯỜNG TIỂU HỌC LÊ QUÝ ĐÔN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BÁO CÁO CÔNG KHAI TÀI CHÍNH NĂM TRƯỚC LIÊN KÈ

Theo Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 6 năm 2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân.

Tình hình tài chính của cơ sở giáo dục trong năm tài chính trước liền kề thời điểm báo cáo theo quy định pháp luật

STT	Nội dung	Nguồn kinh phí							
		Tổng cộng	Ngân sách nhà nước	Tiền ăn bán trú	Phục vụ phí bán trú	Mua sắm đồ dùng bán trú	Kinh phí chăm sóc SKBĐHS	Căn tin	Tiếng Anh tăng cường (TT New World)
A	B	1=2+..8	2	3	4	5	6	8	
A	Các khoản thu	20.612.402.572	11.955.883.327	6.028.920.000	1.667.922.532	184.460.000	198.614.833	482.616.130	93.985.750
1	Ngân sách nhà nước	11.955.883.327	11.955.883.327						
2	Hoạt động bán trú	7.881.302.532	-	6.028.920.000	1.667.922.532	184.460.000	-	-	-
3	Kinh phí chăm sóc SKBĐHS	198.614.833	-				198.614.833	-	-
4	Thu từ người học (Môn học tự chọn)	-	-	-	-	-	-	-	-
5	Cho thuê, liên kết	576.601.880	-	-	-	-	-	482.616.130	93.985.750
6	Học phí	-	-	-	-	-	-	-	-
7	Tài trợ	-	-	-	-	-	-	-	-
8	Thu khác	-	-	-	-	-	-	-	-
B	Các khoản chi	19.917.228.446	11.887.916.017	6.028.920.000	1.666.517.544	181.538.500	6.180.440	144.269.750	1.886.195
1	Lương theo ngạch, bậc	5.312.550.853	5.312.550.853	-	-	-	-	-	-

STT	Nội dung	Nguồn kinh phí							
		Tổng cộng	Ngân sách nhà nước	Tiền ăn bán trú	Phục vụ phí bán trú	Mua sắm đồ dùng bán trú	Kinh phí chăm sóc SKBĐHS	Căn tin	Tiếng Anh tăng cường (TT New World)
A	B	1=2+...8	2	3	4	5	6	8	
2	Tiền công trả cho vị trí lao động thường xuyên theo hợp đồng	146.500.000	146.500.000						
3	Phụ cấp chức vụ	67.116.000	67.116.000						
4	Phụ cấp làm đêm; làm thêm giờ	56.560.689	56.560.689						
5	Phụ cấp nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	3.948.000	3.948.000						
6	Phụ cấp ưu đãi nghề	1.841.592.122	1.841.592.122						
7	Phụ cấp trách nhiệm theo nghề, theo công việc	7.896.000	7.896.000						
8	Phụ cấp thâm niên vượt khung, phụ cấp thâm niên nghề	1.166.076.696	1.166.076.696						
9	Phụ cấp khác	38.501.600	38.501.600						
10	Chi khác	215.779.800	215.779.800						
11	Bảo hiểm xã hội	1.191.812.070	1.191.812.070						
12	Bảo hiểm y tế	204.310.638	204.310.638						
13	Kinh phí công đoàn	135.376.857	135.376.857						
14	Bảo hiểm thất nghiệp	68.103.547	68.103.547						
15	Chi thu nhập tăng thêm theo cơ chế khoán, tự chủ	402.530.346	402.530.346						
16	Chi khác	171.357.384	171.357.384						
17	Tiền điện	100.606.935	100.606.935						
18	Tiền nước	152.602.000	152.602.000						
19	Tiền vệ sinh, môi trường	1.664.730	1.664.730						

ANH F
TRỰC
TIÊU
LỆ QU
TR

STT	Nội dung	Nguồn kinh phí							
		Tổng cộng	Ngân sách nhà nước	Tiền ăn bán trú	Phục vụ phí bán trú	Mua sắm đồ dùng bán trú	Kinh phí chăm sóc SKBĐHS	Căn tin	Tiếng Anh tăng cường (TT New World)
A	B	I=2+..8	2	3	4	5	6	8	
20	Văn phòng phẩm	21.952.500	21.952.500						
21	Mua sắm công cụ, dụng cụ văn phòng	14.581.600	14.581.600						
22	Vật tư văn phòng khác	44.671.829	44.671.829						
23	Cước phí điện thoại	796.829	796.829						
24	Thuê bao kênh vệ tinh, thuê bao cáp truyền hình, cước phí Internet, thuê đường truyền mạng	15.088.000	15.088.000						
25	Phim ảnh, ấn phẩm truyền thông, sách, báo, tạp chí thư viện	1.292.300	1.292.300						
26	Phụ cấp công tác phí	200.000	200.000						
27	Khoản công tác phí	30.000.000	30.000.000						
28	Thuê thiết bị các loại	14.056.560	14.056.560						
29	Thuê lao động trong nước	196.850.000	196.850.000						
30	Thuê đào tạo lại cán bộ	12.450.000	12.450.000						
31	Chi phí thuê mướn khác	2.035.000	2.035.000						
32	Các thiết bị công nghệ thông tin	18.200.000	18.200.000						
33	Đường điện, cấp thoát nước	44.121.000	44.121.000						
34	Các tài sản và công trình hạ tầng cơ sở khác		75.078.160						
35	Các thiết bị công nghệ thông tin		11.800.000						
36	Chi mua hàng hóa, vật tư		40.965.001						
37	Đồng phục, trang phục, bảo hộ lao động		16.099.200						

HỒ M
 ỨNG
 HỌC
 ĐỒN
 ĐN

STT	Nội dung	Nguồn kinh phí							
		Tổng cộng	Ngân sách nhà nước	Tiền ăn bán trú	Phục vụ phí bán trú	Mua sắm đồ dùng bán trú	Kinh phí chăm sóc SKBDHS	Căn tin	Tiền Anh tăng cường (TT New World)
A	B	1=2+..8	2	3	4	5	6	8	
38	Chi khác		1.410.000						
39	Chi bảo hiểm tài sản và phương tiện		8.981.771						
40	Hỗ trợ đối tượng chính sách chi phí học tập	32.400.000	32.400.000						
41	Tiền suất ăn học sinh bán trú	6.028.920.000		6.028.920.000					
42	Tiền lương nhân viên trực trưa, vệ sinh lớp học, chế độ tham gia BHXH nhân viên trực trưa, hỗ trợ quản lý, nộp thuế, phụ phí bán trú... (hoạt động bán trú)	1.666.517.544			1.666.517.544				
43	Mua sắm đồ dùng phục vụ bán trú	181.538.500				181.538.500			
44	Trang bị thiết bị y tế học đường, mua thuốc, các hoạt động chăm sóc sức khỏe cho học sinh, ...	6.180.440					6.180.440		
45	Chi phí đấu thầu cho thuê căn tin	105.202.800						105.202.800	
46	Chi nộp thuế, đăng tin trang tài sản công theo quy định	40.953.145						39.066.950	1.886.195

KẾ TOÁN



Nguyễn Thị Thu Liễu

Phòng 4, ngày 17 tháng 10 năm 2024

HIỆU TRƯỞNG

 TRƯỜNG
 TIỂU HỌC
 LÊ QUÝ ĐÔN

 Lê Thị Minh Thắm

UBND THÀNH PHỐ MỸ THO
TRƯỜNG TIỂU HỌC LÊ QUÝ ĐÔN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CÔNG KHAI CÁC KHOẢN THU VÀ MỨC THU ĐỐI VỚI NGƯỜI HỌC

Đơn vị tính: đồng

TT	Nguồn thu	Số tiền	Đơn vị tính	Ghi chú
1	Bảo hiểm y tế học sinh	52.650	Học sinh/tháng	Theo quy định của Nhà nước.
2	Bảo hiểm tai nạn học sinh	140.000	Học sinh/năm học	Vận động tham gia tự nguyện
3	Nuôi Heo đất	1.000	Học sinh/tháng	Liên Đội phát động khối 3,4,5
4	Tiền ăn học sinh lớp bán trú (suất ăn)	45.000	Học sinh/ngày	Theo Nghị quyết số 06/2022/NQ-HĐND ngày 13/07/2022 (không quy định mức thu; thỏa thuận cùng PHHS và Công ty cung cấp suất ăn).
5	Mua sắm đồ dùng bán trú	230.000	Học sinh/năm học	
6	Định mức thu tiền phụ phí cho hoạt động bán trú	12.000	Học sinh/tháng	
7	Định mức thu tiền hỗ trợ nhân viên phục vụ bán trú	195.000	Học sinh/tháng	Theo Nghị quyết số 06/2022/NQ-HĐND ngày 13/07/2022.
8	Định mức thu tiền hỗ trợ viên chức quản lý phục vụ bán trú	8.000	Học sinh/tháng	
9	Hỗ trợ công tác vệ sinh lớp học	17.000	Học sinh/tháng	



TT	Nguồn thu	Số tiền	Đơn vị tính	Ghi chú
10	Tiếng Anh tăng cường với người nước ngoài	310.000	Học sinh/tháng	Theo Nghị quyết số 06/2022/NQ-HDND ngày 13/07/2022 (theo Hợp đồng giữa TT Ngoại ngữ Newworld và Trường TH Lê Quý Đôn, có thông qua PHHS và PHHS đăng ký học).
11	Kinh phí hoạt động Ban đại diện Cha mẹ học sinh		Học sinh/năm học	Vận động tham gia tự nguyện

Phòng 4, ngày 17 tháng 10 năm 2024

KẾ TOÁN



Nguyễn Thị Thu Liễu

HIỆU TRƯỞNG

Lê Thị Minh Thắm



UBND THÀNH PHỐ MỸ THO
TRƯỜNG TIỂU HỌC LÊ QUÝ ĐÔN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**CÔNG KHAI CHÍNH SÁCH VÀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH HÀNG NĂM
VỀ TRỢ CẤP VÀ MIỄN, GIẢM HỌC PHÍ, HỌC BỔNG ĐỐI VỚI NGƯỜI HỌC
(CHẾ ĐỘ HỖ TRỢ CHI PHÍ HỌC TẬP THEO NGHỊ ĐỊNH 81/2021/NĐ-CP)
NĂM HỌC 2023 - 2024**

Đơn vị tính: đồng

STT	Nội dung	Số học sinh được hỗ trợ		Số tiền	Ghi chú
		Học kỳ 1 (4 tháng)	Học kỳ 2 (5 tháng)		
1	Số học sinh được hỗ trợ (Hộ nghèo và HSKT) (mỗi tháng 150.000 đồng/học sinh)	23	26	32.850.000	

Phường 4, ngày 17 tháng 10 năm 2024

KẾ TOÁN

Nguyễn Thị Thu Liễu

HIỆU TRƯỞNG



Lê Thị Minh Thắm

UBND THÀNH PHỐ MỸ THO
TRƯỜNG TIỂU HỌC LÊ QUÝ ĐÔN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CÔNG KHAI SỐ DƯ CÁC QUỸ THEO QUY ĐỊNH NĂM 2023

Đơn vị tính: Đồng

STT	Diễn giải	Số dư đầu năm	Số thu/trích trong năm	Tổng số được sử dụng trong năm	Số chi trong năm	Số dư cuối năm
A	B	1	2	3=1+2	4	5=3-4
1	Quỹ bổ sung thu nhập	0	402.530.346	402.530.346	402.530.346	0
2	Quỹ phúc lợi	1.662.276	215.779.800	217.442.076	215.779.800	1.662.276
3	Quỹ khen thưởng	163.830.406	2.700.000	166.530.406	71.600.000	94.930.406
	Tổng cộng	165.492.682	621.010.146	786.502.828	689.910.146	96.592.682

Phường 4, ngày 17 tháng 10 năm 2024

KẾ TOÁN

Nguyễn Thị Thu Liễu



Lê Thị Minh Thắm